

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 04/2019/HSST
Ngày: 16-01-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Thẩm phán: Ông Nguyễn Huồn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Niê Khánh Hải

2. Bà Bùi Thị Kim Nga

3. Bà Cù Thị Lan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2018/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Q - Sinh ngày 03/5/1972 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Thôn 11, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Đ (đã chết) và có 03 con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ nhỏ được bố mẹ cho ăn học đến lớp 7/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình làm nông tại xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 31/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đến ngày 31/12/2014 chấp hành xong thời gian thử thách và về cư trú tại địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10 tháng 9 năm 2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trần Trung F - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- **Người bị hại:** Chị Huỳnh Thị Phương G (đã chết)

Đại diện cho người bị hại: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1967 (mẹ của bị hại)

Đại diện theo ủy quyền: anh Huỳnh Tấn T – sinh năm: 1988, anh trai của bị cáo theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

- **Những người làm chứng:**

1. Anh Trương Phan Trọng K1, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn 1, xã CK, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. Anh Hồng Đức K2, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn 9, xã HS, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

3. Chị Tạ Thị Thanh K3, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn 3, xã HP, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

4. Anh Nguyễn Hoàng K4, sinh năm: 1992

Địa chỉ: 30 ĐBP, tổ dân phố 5, thị trấn L, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

5. Chị Nguyễn Thị K5, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn 3, xã KNĐ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

6. Chị Nguyễn Thị K6, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn 4, xã HT, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

7. Anh Nguyễn Thanh K7, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 02 Âu Cơ, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

8. Chị Lê Mai Phương K8, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Thanh K9, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 8, xã HS, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

10. Anh Nguyễn Trung K10, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 16/3 HBT, tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

11. Ông Nguyễn Văn K11, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn 8, xã HS, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI G VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội G vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 09/9/2018, bị cáo Nguyễn Văn Q là nhân viên bảo vệ cửa hàng X huyện B, địa chỉ số 258 đường NTT, thị trấn L, huyện B, tỉnh Đắk Lắk đang làm việc thì có xảy ra mâu thuẫn với khách hàng. Thấy vậy, Chị Huỳnh Thị Phương G, sinh năm 1991 là Quản lý của cửa hàng X huyện B biết được sự việc nêu trên nên đã gọi Q vào phòng làm việc (*kho hàng ICT của Cửa hàng X*) để nói chuyện và yêu cầu Q viết tường trình và bản cam kết liên quan đến sự việc trên nhưng Q không đồng ý. Vì vậy, giữa chị G và Q xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Lúc này chị G có nói nếu Q không viết bản tường trình thì chị G sẽ báo cáo sự việc lên cấp trên nên Q bức tức và nhìn thấy trên kệ đựng đồ ở phía trước mặt nơi Q đang ngồi có 01 con dao Thái Lan thì Q dùng tay phải cầm con dao, lưỡi dao hướng về phía trước, bước tới chỗ chị G đang ngồi và đâm 01 phát thẳng về phía trước, hướng từ trên xuống dưới, trúng vào vùng cổ chị G, bị đâm chị G kêu “cứu chị với” thì chị Tạ Thị Thanh K3, anh Trương Phan Trọng K1, chị Lê Mai Phương K8 (*cùng là nhân viên của Cửa hàng X*) liền chạy vào thì thấy chị G đang nằm trên sàn nhà, Nguyễn Văn Q đang cầm con dao đi ra ngoài, trên con dao có dính máu nên mọi người sợ tránh đường cho Nguyễn Văn Q đi ra. Sau đó Q đi thẳng ra vòi nước của Cửa hàng để rửa vết máu dính trên con dao và bỏ dao vào cốp xe mô tô cá nhân rồi lên xe đi về nhà tại thôn 11, xã A, huyện B, còn chị G được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện B, nhưng đã tử vong trên đường đưa đi cấp cứu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Q đến Công an huyện Krông Bông đầu thú và giao nộp con dao đã gây án cho Cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận pháp y tử thi số 820/GDPY ngày 18/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Vết thương cổ phải gây nên đứt động mạch dưới đòn (P) dẫn đến mất máu cấp và suy tuần hoàn không khôi phục. Vật

tác động: Vật cứng có mũi nhọn, lưỡi sắc tác động cổ trước phải nạn nhân có hướng từ trái sang phải, từ trước ra sau và từ trên xuống dưới.

Tại bản cáo trạng số: 76/CT-VKST-P2 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các chứng cứ buộc tội, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng số: 76/CT-VKST-P2 ngày 30/11/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Giết người”;

+ Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 19 năm đến 20 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/9/2018.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015; Điều 106 của BLTTHS. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao thái lan, 01 áo, 01 quần (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 30/11/2018)

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 586, Điều 591 của BLDS năm 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường tiền chi phí mai táng hợp lý, bồi thường tổn thất về tinh thần cho gia đình người bị hại tương đương 100 lần mức lương cơ bản.

* Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q đã đọc luận cứ bào chữa; phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, động cơ dẫn đến việc phạm tội của bị cáo với nhận định Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn Q là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đưa ra quá cao. Bởi lẽ sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, thành thật khai báo ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội cũng có một phần lỗi do người bị hại; bị cáo có trình học vấn thấp 7/12 nên nhận thức pháp luật của bị cáo cũng có phần hạn chế; bị cáo cũng có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, thuộc hộ nghèo, vợ đã mất, phải lao động để nuôi 03 con trong đó hiện nay hai con còn đang đi học chưa đến tuổi lao động. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của

Bộ luật hình sự để xem xét giảm mức hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đưa ra.

Đại diện VKS đã tranh luận với Trợ giúp viên pháp lý và bảo lưu quan điểm không áp dụng tình tiết có một phần lỗi của người bị hại.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Huỳnh Tấn T - đại diện cho người bị hại đề nghị Tòa án xét xử bị cáo với mức hình phạt tù chung thân. Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu Tòa án buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại 75.000.000đồng chi phí mai táng và tiền bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai, bản cung của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào Khoảng 15 giờ ngày 09/9/2018 tại phòng kho ITC của Siêu thị X địa chỉ số 258 NTT, thị trấn L, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Văn Q đã có hành vi dùng dao thái lan đâm một phát trúng vào vùng cổ của chị Huỳnh Thị Phương G khiến chị G tử vong trên đường đi cấp cứu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q theo bản cáo trạng số: 76/CT-VKST-P2 ngày 30 tháng 11 năm 2018. Như vậy HĐXX đã có đủ cơ sở để khẳng định rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Giết người*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 123 của BLHS.

Tại Điều 123 của BLHS quy định:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

.....

n) Có tính chất côn đồ;

.....

Xét về ý thức bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được việc dùng dao sắc, nhọn là loại hung khí nguy hiểm để đâm vào vùng cổ nạn nhân là vùng trọng yếu trên cơ thể con người, nếu dùng dao sắc nhọn tấn công vào sẽ dẫn đến nguy cơ chết người. Mặc dù nhận thức được điều đó. Song do bản tính hung hăng, ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã dùng dao sắc, nhọn đâm vào cổ chị Huỳnh Thị Phương G, vết thương cổ phải gây nên đứt động mạch dưới đòn (P) dẫn đến mất máu cấp và suy tuần hoàn không khôi phục. Sau khi đâm chị G bị cáo không đưa chị G đi cấp cứu mà cầm dao ra ngoài vùi nước rửa sạch máu, cất dao vào trong cốp xe máy và đi về nhà bỏ mặc hậu quả dẫn đến chị G tử vong thể bản tính côn đồ, hung hãm. Bị cáo là người có nhân thân xấu nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo cũng như gia đình bị cáo chưa bồi thường cho gia đình người bị hại.

Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm hại trái pháp luật đến tính mạng của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu về nhiều mặt cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015. Do đó, HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[3] Các biện pháp tư pháp:

[3.1] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện theo cho người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại tiền chi phí mai táng 75.000.000đồng. Đối với bồi thường tổn thất tinh thần đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật

Xét mức yêu cầu bồi thường mà đại diện của người bị hại đưa ra có chi phí thuê thầy cúng là chưa hợp lý nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các chi phí mai táng hợp lý cho gia đình người bị hại (theo như biên lai hậu sự tang lễ do gia đình người bị hại cung cấp tại bút lục 180) cụ thể như sau:

+ Tiền mua quan tài: 40.000.000đồng;

+ Dịch vụ trọn gói như xe tang, cáo phó, lá triện, bài vị, chăn bông, đồ áo tang khăn tang đầu rơm... 20.000.000đồng

+ Rạp bàn ghế, hoa tươi, trái cây, cơm cúng: 10.000.000đồng

- Bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho gia đình người bị hại: 1.390.000đ x 80 tháng lương tối thiểu = 111.200.000 đồng

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho gia đình người bị hại: 181.200.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

[3.2] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao thái lan, 01 áo, 01 quần (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 30/11/2018)

[3.3] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự: Bị cáo phải chịu 9.060.000đồng án phí DSST. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị cáo được miễn toàn bộ án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo **NGUYỄN VĂN Q** phạm tội “*Giết người*”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015.

Xử phạt: Bị cáo **NGUYỄN VĂN Q** 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/9/2018.

[2] Các biện pháp tư pháp:

[2.1] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS và Điều 584; 586; 591 của BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền là: 181.200.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành khi có đơn yêu cầu thi hành án.

[2.2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao thái lan, 01 áo, 01 quần (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 30/11/2018)

[3] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị cáo được miễn toàn bộ án phí DSST.

Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao ;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Duy Thuận